

THỰC ĐƠN BÁN TRÚ TUẦN 05 NĂM HỌC 2025 - 2026											
Tuần 5 tháng 10 năm học 2025-2026											
Tuần 05 (Từ ngày 06/10 đến ngày 10/10 năm 2025)											
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(g r)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/06-10	1	Thịt kho tàu	Thịt mông sấn	67	125.000	8.375			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	62.000	2.170			Nhân công	2.000	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	50	18.000	900			Thuế	1.482	
			Xương lợn	8	85.000	680			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	3,24	35.000	113					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(g r)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 07-10	1	Thịt gà chiên	Gà CN bỏ cđcc	85	85.000	7.225			Chất đốt	1.000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32.000	1.600			Nhân công	2.000	
			Cà chua	20	25.000	500			Thuế	1.482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	50	20.000	1.000			Khấu hao	300	
			Gà CN bỏ cđcc	21	85.000	1.785					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					

	5		Rau thơm	3,65	35.000	128					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(g r)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 4/08-10	1	Thịt băm xào ngô	Thịt nạc xay	47	125.000	5.875			Chất đốt	1.000	
			Ngô, cà rốt, đồ cove	20	30.000	600			Nhân công	2.000	
	2	Trứng cút xốt cà chua	Trứng cút	40	80.000	3.200			Thuế	1.482	
			cà chua	10	125.000	1.250			Khấu hao	300	
	3	Canh rau cải nấu thịt	Rau cải	30	18.000	540					
			Thịt nạc xay	5	125.000	625					
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	4,23	35.000	148					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(g r)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/09-10	1	Cá chiên	Cá rô phi lọc	70	120.000	8.400			Chất đốt	1.000	
	2	Trứng xào	Trứng vịt	35	62.000	2.170			Nhân công	2.000	
	3	Canh bí đỏ nấu thịt	Bí đỏ	50	18.000	900			Thuế	1.482	
			Thịt lợn	5,5	125.000	688			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	2,3	35.000	81					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(g)	Đơn giá	Thành Tiền	TP Chín/HS	Kcalo	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/10-10	1	Thịt băm	Thịt sản nông vai	64	125.000	8.000			Chất đốt	1.000	
	2	Xúc xích rán	Xúc xích CP	30	85.000	2.550			Nhân công	2.000	
	3	Canh mồng toi nấu tép	Mồng toi	32	18.000	576			Thuế	1.482	
			Tép đồng	6	155.000	930			Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18.000	1.980					
	5		Rau thơm	5,2	35.000	182					
	6		Gia vị các loại	10	100.000	1.000					
		Tổng				15.218				4.782	20.000

Hiệu Trưởng Duyệt



Hoàng Sách Khôi

Người Lập Thực Đơn

Nguyễn Thị Hải Yến